**Phụ lục**

**MỨC THU PHÍ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG**

**MÔI TRƯỜNG VÀ PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI
 MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 02 /2020/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)*

1. Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

 *Đơn vị tính: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng vốn đầu tư**(Tỷ đồng)**Nhóm dự án** | **≤ 50**  | **Từ** **> 50** **đến ≤ 100**  | **Từ** **> 100 đến ≤ 200** | **Từ** **> 200 đến≤ 500** | **> 500** |
| Nhóm 1. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường | 5,0 | 6,5 | 12,0 | 14,0 | 17,0 |
| Nhóm 2. Dự án công trình dân dụng | 6,9 | 8,5 | 15,0 | 16,0 | 25,0 |
| Nhóm 3. Dự án hạ tầng kỹ thuật | 7,5 | 9,5 | 17,0 | 18,0 | 25,0 |
| Nhóm 4. Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản | 5,0 | 9,5 | 17,0 | 18,0 | 24,0 |
| Nhóm 5. Dự án Giao thông | 8,1 | 10,0 | 18,0 | 20,0 | 25,0 |
| Nhóm 6. Dự án Công nghiệp | 8,4 | 10,5 | 19,0 | 20,0 | 26,0 |
| Nhóm 7. Dự án về khai khác, chế biến khoáng sản. | 10,0 | 12,0 | 20,0 | 21,0 | 27,0 |
| Nhóm 8. Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7) | 5,0 | 6,0 | 10,8 | 12,0 | 15,6 |

2. Mức thu phí thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường

 *Đơn vị tính: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng vốn đầu tư**(Tỷ đồng)**Nhóm dự án** | **≤ 50**  | **Từ** **> 50** **đến ≤ 100**  | **Từ** **> 100 đến ≤ 200** | **Từ** **> 200 đến≤ 500** | **> 500** |
| Dự án về khai khác, chế biến khoáng sản | 10,0 | 12,0 | 20,0 | 21,0 | 27,0 |

3. Trường hợp thẩm định lại (từ lần 2) nếu họp thẩm định lần 1 không đạt yêu cầu: mức thu phí bằng 60% mức thu quy định tại mục 1 và 2 nêu trên.

4. Trường hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thông qua lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, chuyên gia có liên quan: mức phí thu bằng 40% mức thu quy định tại mục 1 nêu trên.

5. Trường hợp dự án có từ 02 nhóm trở lên: mức thu phí theo nhóm dự án có mức thu phí cao nhất./.